

Số: 97/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 107/2026/TLST-VLĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 76/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Lâm Thị Thanh D, sinh năm: 1996; thường trú: Ấp B, xã L, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ liên hệ: Số H N, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Tăng Thị N, sinh năm: 1997; thường trú: Ấp B, xã L, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Số A N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH O; địa chỉ: Lô B Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở D1 – Bảo hiểm xã hội Thành phố H; Địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm: 1988; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/4/2026). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu bà Lâm Thị Thanh D trình bày:*

Bà Lâm Thị Thanh D có tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Lâm Thị Thanh D bị trùng.

Nguyên nhân bị trùng là do bà Tăng Thị N sử dụng thông tin của bà Lâm Thị Thanh D giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH O trong thời gian từ tháng 04/2015 đến tháng 06/2015. Quá trình làm việc, bà Tăng Thị N được Công ty TNHH O tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm 7414106766. Đồng thời thời gian đó bà Lâm Thị Thanh D đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH V từ tháng 04/2014 đến tháng 12/2018 và được Công ty TNHH V tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 7415154640.

Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Tăng Thị N mượn thông tin cá nhân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Tăng Thị N có công việc để trang trải cuộc sống.

Nay bà Lâm Thị Thanh D yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh D và Công ty TNHH O là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị N trình bày:

Bà Tăng Thị N và bà Lâm Thị Thanh D là chị em ruột. Vào năm 2015, do không đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên bà Tăng Thị N đã mượn thông tin cá nhân của bà Lâm Thị Thanh D để xin vào làm việc tại Công ty TNHH O và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2015 đến tháng 06/2015 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7414106766. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế mưu sinh nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay. Nay bà Tăng Thị N thống nhất với yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh D và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh D với Công ty TNHH O vô hiệu. Bà Tăng Thị N cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh D và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D1 - Bảo hiểm xã hội Thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Lâm Thị Thanh D, sinh năm 1996, số CCCD 094196011577, thì Công ty TNHH O có tham gia BHXH, BHTN cho bà Lâm Thị Thanh D theo số sổ BHXH 7414106766 có quá trình tham gia BHXH, BHTN từ tháng 04/2015 đến tháng 06/2015 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, bà Lâm Thị Thanh D còn có mã số BHXH 7415154640 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 04/2014 đến tháng 05/2015 tại Công ty TNHH V.

- Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Lâm Thị Thanh D và Công ty TNHH O, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Lâm Thị Thanh D, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Lâm Thị Thanh D, BHXH không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Lâm Thị Thanh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị N, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH O đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lâm Thị Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị N, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH O đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 04/2015 đến tháng 06/2015, người lao động Lâm Thị Thanh D giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O và được Công ty TNHH O tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414106766. Tuy nhiên, người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH O và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 04/2015 đến tháng 06/2015 là bà Tăng Thị N (do bà Lâm Thị Thanh D cho bà Tăng Thị N mượn thông tin cá nhân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà Lâm Thị Thanh D và bà Tăng Thị N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An và các chứng cứ người yêu cầu cung cấp. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2014 đến tháng 05/2015, bà Lâm Thị Thanh D đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH V, quá trình làm việc, bà Lâm Thị Thanh D được Công ty TNHH V, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số sổ 7415154640. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH O trong khoảng thời gian tháng 04/2015 đến tháng 06/2015 là bà Tăng Thị N, không phải là bà Lâm Thị Thanh D. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi giao kết hợp đồng lao động thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh D về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh D với Công ty TNHH O theo sổ bảo hiểm xã hội số 7414106766 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh D và ý kiến của bà Tăng Thị N về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH O trong giai đoạn từ tháng 04/2015 đến tháng 06/2015 là bà Tăng Thị N, không phải là bà Lâm Thị Thanh D. Bà Lâm Thị Thanh D và bà Tăng Thị N có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7414106766.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Lâm Thị Thanh D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lâm Thị Thanh D.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh D với Công ty TNHH O (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7414106766) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7414106766 không phải là bà Lâm Thị Thanh D, sinh năm 1996; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094196011577. Bà Lâm Thị Thanh D được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7414106766.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lâm Thị Thanh D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0017626 ngày 23/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Minh Hoàng